

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP One Capital Hospitality (mã CK: OCH) thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty CP One Capital Hospitality

- Mã chứng khoán: OCH
- Địa chỉ: Tầng 23, tòa nhà Leadvisors, 643 Phạm Văn Đồng, P. Cổ Nhuế 1, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0243 783 0101 Fax: 0243 783 0202
- Email: info@och.vn Website: <http://och.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2023

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC riêng và BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:



Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 29 /08/2023 tại đường dẫn: <http://och.vn/cong-bo-thong-tin/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong kỳ.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);.....

- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng, hợp nhất bán niên năm 2023

- Văn bản giải trình thông tin trên BCTC bán niên năm 2023



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Đình Quang



CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
đã được soát xét



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	5 – 38
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 – 38

0033
CÔNG
CỔ PHẦN
ONE CAPITAL
HOSPITALITY
TỪ LIÊM

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần One Capital Hospitality (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần One Capital Hospitality (tên gọi cũ là “Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH”) tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng – Thương mại Bảo Long, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0403000464 ngày 24 tháng 7 năm 2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 17 số 0800338870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 10/05/2022.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,..);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, nhà ở và kho bãi;
- Đầu tư và xây dựng hạ tầng, nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Thu Hằng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Chính Phương	Ủy viên
Ông Huỳnh Minh Việt	Ủy viên
Ông Đinh Hoài Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Dũng Minh	Ủy viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên trong Ban kiểm soát trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Bà Dương Thị Mai Hương	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Trần Thị Kim Oanh	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Lê Thị Bích Hạnh	Thành viên Ban kiểm soát

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Đình Quang

Tổng Giám đốc

Ông Hà Trung Dũng

Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc đã soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2023.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau :

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Lê Đình Quang

Số: 428.../2023/BCSX/AASCN.PB

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**
Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần One Capital Hospitality được lập ngày 28 tháng 08 năm 2023, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần One Capital Hospitality chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần One Capital Hospitality đã được soát xét/ kiểm toán bởi các kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Các kiểm toán viên này đã đưa ra kết luận/ ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các Báo cáo tài chính này tại các ngày 26 tháng 08 năm 2022 và ngày 30 tháng 03 năm 2023.

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán
và Kiểm toán Nam Việt - Chi nhánh phía Bắc**

Phó Giám đốc


Lê Mỹ Trang

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3764-2021-152-1

Trụ sở chính

54/3 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại: 028 3910 3908 / Fax: 028 3910 4880
Email: namviet@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

Chi Nhánh Phía Bắc

Phòng 1704 nhà 17T4 Khu đô thị Trung Hòa, Nhân Chính,
Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 3994 7969 / Email: admin@namvietpb.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		674.393.021.714	570.379.027.922
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	234.125.356.832	373.161.988.546
1.	Tiền	111		17.125.356.832	3.161.988.546
2.	Các khoản tương đương tiền	112		217.000.000.000	370.000.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	106.600.000.000	600.000.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		106.600.000.000	600.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		201.868.107.204	64.143.811.539
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.04	4.483.083.251	31.678.170.618
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.05	42.719.347.330	18.307.800.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.06	113.241.163.333	13.241.163.333
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.07	41.424.513.290	916.677.588
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.08	122.588.981.939	122.715.011.939
1.	Hàng tồn kho	141		224.842.208.712	224.968.238.712
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(102.253.226.773)	(102.253.226.773)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		9.210.575.739	9.758.215.898
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	100.592.931	340.254.584
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.891.397.050	3.199.375.556
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	6.218.585.758	6.218.585.758
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.050.152.529.486	1.072.772.902.393
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		185.615.586.638	180.833.323.686
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.04	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.05	-	-
3.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.06	129.616.266.604	128.530.567.000
4.	Phải thu dài hạn khác	216	V.07	55.999.320.034	52.302.756.686
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		977.839.597	1.111.390.387
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	965.100.264	1.093.923.054
	- Nguyên giá	222		3.103.204.265	3.103.204.265
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2.138.104.001)	(2.009.281.211)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	12.739.333	17.467.333
	- Nguyên giá	228		397.208.682	397.208.682
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(384.469.349)	(379.741.349)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		147.400.000	147.400.000
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		147.400.000	147.400.000
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.03	852.585.514.693	876.695.358.098
1.	Đầu tư vào công ty con	251		1.636.036.150.718	1.683.036.150.718
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	88.801.147.484
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		78.664.700.000	78.664.700.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(862.115.336.025)	(973.806.640.104)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		10.826.188.558	13.985.430.222
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	10.769.294.866	13.928.536.530
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		56.893.692	56.893.692
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.724.545.551.200	1.643.151.930.315

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		208.283.743.066	136.915.578.357
I.	Nợ ngắn hạn	310		208.283.743.066	136.915.578.357
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	7.430.544.506	8.787.383.132
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	72.644.357.013	582.964.702
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	158.535.838	98.514.913
4.	Phải trả người lao động	314		712.789.335	1.482.707.610
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	1.857.423.718	1.802.423.718
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	124.056.750.158	124.134.291.853
7.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.423.342.498	27.292.429
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.516.261.808.134	1.506.236.351.958
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.17	1.516.261.808.134	1.506.236.351.958
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
2.	Quỹ đầu tư phát triển	418		4.493.439.505	4.493.439.505
3.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		6.329.814.592	6.329.814.592
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(494.561.445.963)	(504.586.902.139)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		(505.997.402.208)	(575.111.905.590)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		11.435.956.245	70.525.003.451
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.724.545.551.200	1.643.151.930.315

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Phạm Tiến Thành

Tổng Giám đốc



Lê Đình Quang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	49.666.753.478	26.483.407.209
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		49.666.753.478	26.483.407.209
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	44.966.998.903	24.580.593.069
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.699.754.575	1.902.814.140
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	42.642.835.920	13.225.205.677
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	22.351.370.349	41.172.286.864
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.05	-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	13.501.670.868	13.623.841.392
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.489.549.278	(39.668.108.439)
11.	Thu nhập khác	31		615.340	93.518.519
12.	Chi phí khác	32		54.208.373	38.631.628
13.	Lợi nhuận khác	40		(53.593.033)	54.886.891
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.435.956.245	(39.613.221.548)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.06	-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		11.435.956.245	(39.613.221.548)

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Phạm Tiên Thành

Tổng Giám đốc



Lê Đình Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		11.435.956.245	(39.613.221.548)
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		133.550.790	133.550.790
-	Các khoản dự phòng	03		(111.691.304.079)	14.261.414.525
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		91.398.311.564	(8.084.875.427)
-	Chi phí lãi vay	06		-	-
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(8.723.485.480)	(33.303.131.660)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.844.779.854)	81.064.460.415
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		126.030.000	-
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		69.957.664.640	2.463.851
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.398.903.317	1.010.125.683
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	56.341.989.750
-	Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(1.979.119.600)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		56.914.332.623	103.136.788.439
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	(416.950.708.665)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(207.085.699.604)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	363.500.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.760.000.000	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.374.735.267	4.393.466.993
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(195.950.964.337)	(49.057.241.672)

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(139.036.631.714)	54.079.546.767
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		373.161.988.546	53.915.650.897
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		234.125.356.832	107.995.197.664

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Phạm Tiên Thành

Tổng Giám đốc



Lê Đình Quang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty đầu tư, kinh doanh thực phẩm và dịch vụ khách sạn.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, nhà ở và kho bãi;
- Đầu tư và xây dựng hạ tầng, nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách Công ty con gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ tại ngày cuối kỳ (%)	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)
Công ty Cổ phần Tân Việt	Nha Trang	51,42%	51,42%	51,42%
Công ty Cổ phần Bánh Givral	Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty Cổ phần Viptour – Togi	Hà Nội	79,26%	79,26%	79,26%
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	Hà Nội	-	-	94,00%
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	Nha Trang	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Kem Tràng Tiền	Hà Nội	99,98%	99,98%	99,98%
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bình Hưng	Bắc Ninh	99,00%	99,00%	99,00%
Quỹ Đầu tư cơ hội đặc biệt Leadvisors	Hà Nội	99,99%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

- Danh sách Công ty liên kết gồm:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích của Công ty ngày 30/6/2023	Quyền biểu quyết của Công ty tại ngày 31/12/2022
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	Quảng Nam	-	49,1%

- Danh sách các Công ty nhận đầu tư khác:

Tên Công ty nhận đầu tư khác	Nơi thành lập và hoạt động	Số cổ phần nắm giữ tại ngày 30/6/2023	Số cổ phần nắm giữ tại ngày 31/12/2022
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu xây dựng	Hồ Chí Minh	442.370	442.370
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	Hà Nội	7.424.100	7.424.100

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, số nhân viên của Công ty là 33 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 27 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết liên doanh được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

03. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.



CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dang dở cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 – 05 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm
- Chi phí thiết kế nhãn hiệu, Website	05 – 10 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc thông báo chia cổ tức cho các cổ đông đã được phê duyệt.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp và hoàn thành trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là khoản dự phòng tổn thất đầu tư đã trích lập trong kỳ và chi phí tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền	17.125.356.832	3.161.988.546
+ Tiền mặt	77.383.497	58.749.627
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.047.973.335	3.103.238.919
- Các khoản tương đương tiền (*)	217.000.000.000	370.000.000.000
Cộng	234.125.356.832	373.161.988.546

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại Ngân hàng thương mại với lãi suất 6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b. Ngắn hạn	106.600.000.000	106.600.000.000	600.000.000	600.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	106.600.000.000	106.600.000.000	600.000.000	600.000.000
Cộng	106.600.000.000	106.600.000.000	600.000.000	600.000.000

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại các Ngân hàng thương mại, lãi suất từ 5,7%/năm đến 9%/năm.

03. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ				Số đầu năm			
	% quyền biểu quyết/ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	% quyền biểu quyết/ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
- Đầu tư vào công ty con		1.636.036.150.718	(792.636.457.155)			1.683.036.150.718	(815.502.432.140)	
+ Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	-	-	-	-	94,00%	47.000.000.000	(47.000.000.000)	
+ Công ty Cổ phần Tân Việt	51,42%	109.493.338.104	(25.503.770.761)		51,42%	109.493.338.104	(24.900.233.228)	
+ Công ty Cổ phần Bánh Givral	99,99%	337.264.960.000	-		99,99%	337.264.960.000	-	
+ Công ty Cổ phần Viptour-Togi	79,26%	246.832.000.000	(246.832.000.000)		79,26%	246.832.000.000	(246.832.000.000)	
+ Công ty TNHH MTV Sao Hóm Nha Trang	100,00%	590.665.352.614	(495.629.227.458)		100,00%	590.665.352.614	(472.770.782.383)	
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bình Hưng	99,00%	92.020.500.000	(24.671.458.936)		99,00%	92.020.500.000	(23.999.416.529)	
+ Công ty Cổ phần Kem Tráng tiên	99,98%	160.760.000.000	-		99,98%	160.760.000.000	-	
+ Quỹ đầu tư cơ hội đặc biệt Leadvisors	99,99%	99.000.000.000	-		99,99%	99.000.000.000	-	



CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ			Số đầu năm				
	% quyền biểu quyết/sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	% quyền biểu quyết/sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	88.801.147.484	(88.801.147.484)		
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ hỗ trợ và Phát triển đầu tư	-	-	-	-	88.801.147.484	(88.801.147.484)		
- Đầu tư vào đơn vị khác		78.664.700.000	(69.478.878.870)		78.664.700.000	(69.503.060.480)		
+ Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu xây dựng	1,12%	4.423.700.000	(1.571.266.373)		4.423.700.000	(1.571.266.373)		
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	13,50%	74.241.000.000	(67.907.612.497)		74.241.000.000	(67.931.794.107)		
Cộng		1.714.700.850.718	(862.115.336.025)		1.850.501.998.202	(973.806.640.104)		

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	4.483.083.251	31.678.170.618
- Công ty Cổ phần Bánh Givral	-	7.020.752.313
- Công ty Cổ phần Truyền thông Đại dương	330.948.313	330.948.313
- Công ty Cổ phần Kem Tràng Tiền	3.528.575.822	2.462.520.364
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Fuji	-	13.590.390.512
- Ngân hàng TMCP Đại Dương	591.051.116	591.051.116
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	32.508.000	7.682.508.000
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	4.483.083.251	31.678.170.618

Trong đó:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VII.02)	3.528.575.822	9.814.220.990
Cộng	3.528.575.822	9.814.220.990

05. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	42.719.347.330	18.307.800.000
- Công ty TNHH Sản xuất & Dịch vụ in bao bì Tâm Bảo	2.150.494.950	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ sản xuất in Hoàng An	2.597.375.300	-
- Công ty TNHH Bao Bì PHP	7.250.720.000	-
- Công ty TNHH C&C	7.800.000.000	-
- Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư	18.267.900.000	18.267.900.000
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	4.652.857.080	39.900.000
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	42.719.347.330	18.307.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY
 Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Phải thu về cho vay

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	113.241.163.333	-	13.241.163.333	-
- Công ty Cổ phần Viptour – Togi ^(a)	13.241.163.333	-	13.241.163.333	-
- Công ty Cổ phần Kem Tràng Tiên ^(b)	100.000.000.000	-	-	-
b. Dài hạn	129.616.266.604	-	128.530.567.000	-
- Công ty TNHH MTV Sao Hâm Nha Trang ^(c)	90.016.266.604	-	88.930.567.000	-
- Công ty Cổ phần Viptour – Togi ^(a)	39.600.000.000	-	39.600.000.000	-
Cộng	242.857.429.937	-	141.771.730.333	-

Thuyết minh các khoản cho vay ngắn hạn:

^(a) Khoản cho Công ty Cổ phần Viptour – Togi vay ngắn hạn bao gồm các thỏa thuận sau:

- Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 01/2022/TTHTV/OCH – VIPTOURTOGI ngày 25/03/2022, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2023 là: 12.500.000.000 đồng;

- Hợp đồng hỗ trợ vốn số 03/2016/HĐCV/OCH-SHNT ngày 04/02/2016, thời hạn cho vay 12 tháng. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2023 là 40.000.000.000 đồng, trong đó số dư nợ gốc dài hạn đến hạn trả là 741.163.333 đồng. Hợp đồng được gia hạn tới ngày 31/12/2026, lãi suất 7,5%/ năm.

^(b) Khoản cho Công ty Cổ phần Kem Tràng Tiên vay ngắn hạn theo Hợp đồng hỗ trợ vốn số 01/2023/HTV/OCH-KTT ngày 21 tháng 02 năm 2023 và Phụ lục số 01/PLHTV/OCH-KTT ngày 22 tháng 02 năm 2023. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2023 là 100.000.000.000 đồng. Thời hạn hỗ trợ vốn là 12 tháng, lãi suất 7,5%/ năm.

Thuyết minh các khoản cho vay dài hạn:

^(a) Khoản cho Công ty Cổ phần Viptour – Togi vay dài hạn bao gồm các thỏa thuận sau:

- Thỏa thuận hỗ trợ vốn Số 01/2017/TTHTV/OCH-VIPTOURTOGI ngày 12/01/2017, thời hạn vay 12 tháng. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2023 là 197.163.333 đồng. Thỏa thuận hỗ trợ vốn được gia hạn đến ngày 31/12/2024, lãi suất 7,5%/ năm.

- Thỏa thuận hỗ trợ vốn Số 02/2017/TTHTV/OCH-VIPTOURTOGI ngày 03/07/2017, thời hạn cho vay 12 tháng. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2023 là 44.000.000 đồng. Thỏa thuận hỗ trợ vốn được gia hạn đến ngày 31/12/2024, lãi suất 7,5%/ năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

- Thỏa thuận hỗ trợ vốn Số 01/2020/TTHTV/OCH - VIPTOURTOGI ngày 31/03/2020, thời hạn cho vay 12 tháng. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2023 là 100.000.000 đồng. Thỏa thuận vốn được gia hạn đến ngày 31/12/2024, lãi suất 7,5%/ năm.
- (c) Khoản cho Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang vay dài hạn bao gồm các thỏa thuận sau:
 - Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 05/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 31/03/2016, thỏa thuận hỗ trợ vốn số 07/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 01/06/2016, thỏa thuận hỗ trợ vốn số 08/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 30/06/2016, thỏa thuận hỗ trợ vốn số 09/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 28/07/2016 kèm theo các Phụ lục điều chỉnh lãi suất ngày 07/03/2022. Thời hạn của khoản cho vay là 10 năm, lãi suất 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/6/2023 là 21.187.637.392 đồng.
 - Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 15A/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 08/11/2016, thỏa thuận hỗ trợ vốn số 15B/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 14/11/2016 và thỏa thuận hỗ trợ vốn số 15C/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 29/11/2016 kèm theo các Phụ lục điều chỉnh lãi suất ngày 07/03/2022. Thời hạn hỗ trợ đến ngày 15/01/2026, lãi suất 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/6/2023 là 8.473.000.000 đồng.
 - Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 01-1/2017/TTHTV/OCH-SHNT ngày 04/01/2017 và thỏa thuận hỗ trợ vốn số 02/2017/TTHTV/OCH-SHNT ngày 16/11/2017 kèm theo các Phụ lục điều chỉnh lãi suất ngày 07/03/2022. Thời hạn hỗ trợ đến ngày 15/01/2026, lãi suất 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/6/2023 là 7.098.000.000 đồng.
 - Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 01/2018/TTHTV/OCH-SHNT ngày 20/03/2018 kèm theo Phụ lục điều chỉnh lãi suất ngày 07/03/2022. Thời hạn hỗ trợ đến ngày 15/01/2026, lãi suất hỗ trợ 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/6/2023 là 11.500.000.000 đồng.
 - Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 02/2018/TTHTV/OCH-SHNT ngày 30/05/2018 kèm theo Phụ lục điều chỉnh lãi suất. Thời hạn hỗ trợ đến ngày 15/01/2026, lãi suất hỗ trợ 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/6/2023 là 2.500.000.000 đồng.
 - Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 01/2019/TTHTV/OCH-SHNT ngày 01/04/2019 kèm theo Phụ lục điều chỉnh lãi suất ngày 07/03/2022. Thời hạn hỗ trợ đến ngày 15/01/2026, lãi suất hỗ trợ 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/6/2023 là 2.000.000.000 đồng.
 - Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 02/2020/TTHTV/OCH-SHNT ngày 30/06/2020 kèm theo Phụ lục điều chỉnh lãi suất. Thời hạn hỗ trợ đến ngày 31/12/2026, lãi suất hỗ trợ 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/6/2023 là 22.431.929.608 đồng.
 - Biên bản điều chỉnh thỏa thuận 3 bên IOC-OCH-SHNT ngày 07/03/2022 số tiền: 1.110.708.665 đồng.
 - Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 01/2022/TTHTV/OCH-SHNT ngày 30/03/2022, thời hạn hỗ trợ vốn đến ngày 31/12/2026, lãi suất hỗ trợ 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/6/2023 là 2.740.000.000 đồng.
 - Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 02/2022/TTHTV/OCH-SHNT ngày 08/09/2022. Thời hạn hỗ trợ đến ngày 31/12/2026, lãi suất hỗ trợ 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2023 là 4.600.000.000 đồng.
 - Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 03/2022/TTHTV/OCH-SHNT ngày 30/11/2022. Thời hạn hỗ trợ đến ngày 31/12/2026, lãi suất hỗ trợ 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/6/2023 là 6.400.000.000 đồng.
 - Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 3105/2023/TTHTV/OCH-SHNT ngày 31/05/2023. Thời hạn hỗ trợ đến ngày 31/12/2026, lãi suất hỗ trợ 7,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/6/2023 là 1.085.699.604 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
07. Phải thu khác				
a. Ngân hạn	41.424.513.290	-	916.677.588	-
- Tam ứng	1.740.872.216	-	422.889.240	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.262.000	-	8.262.000	-
- Phải thu khác	39.675.379.074	-	485.526.348	-
+ Công ty CP Kem Tràng Tiên	24.791.389.737	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội Sở	1.444.931.507	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	985.068.493	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Viptour - Togi	1.195.312.503	-	-	-
+ Các khoản phải thu khác	11.258.676.834	-	485.526.348	-
b. Dài hạn	55.999.320.034	-	52.302.756.686	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	690.699.490	-	1.151.811.115	-
- Phải thu tiền lãi hỗ trợ vốn	55.308.620.544	-	51.150.945.571	-
+ Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	25.796.014.555	-	22.435.579.281	-
+ Công ty Cổ phần Viptour - Togi	29.512.605.989	-	28.715.366.290	-
Cộng	97.423.833.324	-	53.219.434.274	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	218.295.997.573	(102.253.226.773)	218.295.997.573	(102.253.226.773)
- Hàng hoá	6.546.211.139	-	6.672.241.139	-
Cộng	224.842.208.712	(102.253.226.773)	224.968.238.712	(102.253.226.773)

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí dự án Saigon Airport (tên gọi khác là Dự án Starcity Airport) tại Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Pegasus Thăng Long, bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và chi phí xây dựng lũy kế của dự án. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 41/2015/NQ-HĐQT ngày 29/10/2015 thống nhất: Dừng thi công Dự án Khách sạn Saigon Airport Plaza để tìm đối tác chuyển nhượng. Ngày 25/05/2022, Công ty đã nhận được Bản án phúc thẩm số 66/2022/KDTM-PT ngày 04/05/2022 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Khoản vay của Công ty TNHH Pegasus Thăng Long đã được chuyển nhượng cho 1 đối tượng khác và dự án được thế chấp để bảo lãnh cho khoản vay. Trong trường hợp Công ty TNHH Pegasus Thăng Long không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì đối tượng nhận chuyển nhượng nợ có quyền đề nghị kê biên, phát mại tài sản. Giá trị dự phòng tại ngày 30/6/2023 được xác định là chênh lệch giữa chi phí phát sinh của dự án lũy kế đến 30/6/2023 bù trừ với số phải trả Công ty TNHH Pegasus Thăng Long ở thuyết minh số V.15.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITYTầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
<i>Số dư đầu năm</i>	586.593.900	2.360.455.819	156.154.546	3.103.204.265
- Mua trong kỳ	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	586.593.900	2.360.455.819	156.154.546	3.103.204.265
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
<i>Số dư đầu năm</i>	586.593.900	1.309.732.765	112.954.546	2.009.281.211
- Khấu hao trong kỳ	-	118.022.790	10.800.000	128.822.790
<i>Số dư cuối kỳ</i>	586.593.900	1.427.755.555	123.754.546	2.138.104.001
III. Giá trị còn lại				
1. <i>Tại ngày đầu năm</i>	-	1.050.723.054	43.200.000	1.093.923.054
2. <i>Tại ngày cuối kỳ</i>	-	932.700.264	32.400.000	965.100.264

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 634.748.446 đồng.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Chi phí thiết kế nhãn hiệu, website	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	235.928.682	161.280.000	397.208.682
- Mua trong kỳ	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	235.928.682	161.280.000	397.208.682
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	235.928.682	143.812.667	379.741.349
- Khấu hao trong kỳ	-	4.728.000	4.728.000
<i>Số dư cuối kỳ</i>	235.928.682	148.540.667	384.469.349
III. Giá trị còn lại			
1. <i>Tại ngày đầu năm</i>	-	17.467.333	17.467.333
2. <i>Tại ngày cuối kỳ</i>	-	12.739.333	12.739.333

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 349.928.682 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Trong đó:	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VII.02)	3.388.600	3.388.600	470.400.450	470.400.450
Cộng	3.388.600	3.388.600	470.400.450	470.400.450
13. Người mua trả tiền trước	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
<i>a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	<i>72.644.357.013</i>	<i>582.964.702</i>		
- Công ty Cổ phần Bánh Givral	72.061.392.311	-		
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	582.964.702	582.964.702		
<i>b. Người mua trả tiền trước dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>		
Cộng	72.644.357.013	582.964.702		
Trong đó:	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	72.061.392.311	-		
Cộng	72.061.392.311	-		

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.218.585.758	-	-	-	6.218.585.758	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	98.514.913	537.305.602	477.284.677	-	158.535.838
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	4.006.300	4.006.300	-	-
Cộng	6.218.585.758	98.514.913	541.311.902	481.290.977	6.218.585.758	158.535.838

15. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	1.857.423.718	1.802.423.718
- Chi phí điện nước	1.686.060.082	1.686.060.082
- Các khoản trích trước khác	171.363.636	116.363.636
b. Dài hạn	-	-
Cộng	1.857.423.718	1.802.423.718

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	124.056.750.158	124.134.291.853
- Kinh phí công đoàn	19.675.200	16.541.600
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.306.136.372	5.356.136.372
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	118.730.884.586	118.761.613.881
+ Công ty TNHH Pegasus Thăng Long (*)	116.042.770.800	116.042.770.800
+ Công ty CP Tập đoàn Hoàng Phát Visai	938.000.000	938.000.000
+ Các đối tượng khác	1.750.113.786	1.780.843.081
b. Dài hạn	-	-
Cộng	124.056.750.158	124.134.291.853

(*) Công ty và Công ty TNHH Pegasus Thăng Long ("Pegasus Thăng Long") có thỏa thuận hợp tác kinh doanh với các nội dung chính gồm:

- Hai bên hợp tác để cùng nhau đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khách sạn nằm trong Dự án Sài Gòn Airport Plaza, tại số 01, đường Bạch Đằng, phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quy mô góp vốn: Pegasus Thăng Long góp 60% tổng giá trị góp vốn, Công ty góp 40% tổng giá trị góp vốn;
- Thời gian hợp tác kinh doanh: Kể từ ngày ký cho đến khi Các bên đã hoàn thành mọi quyền và nghĩa vụ cam kết theo hợp đồng và thực hiện thanh lý hợp đồng;
- Phương thức phân chia kết quả: Sau khi Dự án hoàn thành, Pegasus Thăng Long sẽ được hưởng 60% lợi nhuận từ việc khai thác Dự án.

Dự án đã dừng thi công theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 41/2015/NQ-HĐQT ngày 29/10/2015 như trình bày tại Thuyết minh V.08.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY
 Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	2.000.000.000.000	4.493.439.505	6.329.814.592	(575.111.905.590)	1.435.711.348.507
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	70.525.003.451	70.525.003.451
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	2.000.000.000.000	4.493.439.505	6.329.814.592	(504.586.902.139)	1.506.236.351.958
Số dư đầu kỳ nay	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	11.435.956.245	11.435.956.245
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	(1.410.500.069)	(1.410.500.069)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.000.000.000.000	4.493.439.505	6.329.814.592	(494.561.445.963)	1.516.261.808.134

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/THS/NQ-DHĐCD ngày 23 tháng 06 năm 2023, Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

Số tiền
1.410.500.069
1.410.500.069

Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi
Tổng phân phối lợi nhuận

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	1.111.945.520.000	55,6	1.111.945.520.000	55,6
+ Các cổ đông khác	888.054.480.000	44,4	888.054.480.000	44,4
Cộng	2.000.000.000.000	100	2.000.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	200.000.000	200.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	200.000.000	200.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	200.000.000	200.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	200.000.000	200.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	200.000.000	200.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	4.493.439.505	4.493.439.505
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.329.814.592	6.329.814.592
Cộng	10.823.254.097	10.823.254.097

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**c. Nợ khó đòi đã xử lý**

Tên đối tượng	Năm xử lý	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2022	2.047.273.687	2.047.273.687
- Công ty Cổ phần Sở giao dịch Hàng hóa Info	2022	471.500.857	471.500.857
- Công ty Cổ phần Truyền thông TV	2022	557.377.711	557.377.711

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Tên đối tượng</u>	<u>Năm xử lý</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
shopping			
- Phải thu ngắn hạn các đối tượng khác	2022	1.018.395.119	1.018.395.119
Phải thu ngắn hạn khác	2022	844.370.612.374	844.370.612.374
- Ông Hà Trọng Nam	2022	586.131.347.928	586.131.347.928
- Bà Hứa Thị Bích Hạnh	2022	56.794.444.446	56.794.444.446
- Công ty TNHH VNT	2022	201.200.820.000	201.200.820.000
- Phải thu ngắn hạn các đối tượng khác	2022	244.000.000	244.000.000
Phải thu dài hạn khác	2022	6.255.083.564	6.255.083.564
- Đinh Thị Chang Nhung	2022	2.868.400.000	2.868.400.000
- Nguyễn Khoa Điền	2022	3.189.855.564	3.189.855.564
- Đặng Minh Lệ	2022	196.828.000	196.828.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2022	86.000.000	86.000.000
Cộng		852.758.969.625	852.758.969.625

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	48.782.141.601	26.472.023.689
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	884.611.877	11.383.520
Cộng	49.666.753.478	26.483.407.209

Trong đó:

	<u>Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết xem thuyết minh VIII.02)	27.615.731.387	26.472.023.689

02. Giá vốn hàng bán

	<u>Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	44.439.659.775	24.579.209.549
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	527.339.128	1.383.520
Cộng	44.966.998.903	24.580.593.069

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19.513.737.850	8.084.875.427
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	5.140.330.250
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	23.129.098.070	-
Cộng	42.642.835.920	13.225.205.677

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
- Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	24.109.843.405	41.172.286.864
- Hoàn nhập dự phòng do thanh lý các khoản đầu tư	(135.801.147.484)	-
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	134.041.147.484	-
- Chi phí tài chính khác	1.526.944	-
Cộng	22.351.370.349	41.172.286.864

05. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	13.501.670.868	13.623.841.392
- Chi phí nhân viên quản lý	5.706.410.549	4.847.109.420
- Chi phí khấu hao TSCĐ	133.550.790	133.550.790
- Thuế, phí và lệ phí	48.150.173	-
- Chi phí dự phòng	-	63.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.753.301.051	6.713.919.657
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	860.258.305	1.866.261.525
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	-	-
Cộng	13.501.670.868	13.623.841.392

06. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

(*) Chi tiết cách xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
Lợi nhuận kế toán trước thuế	11.435.956.245	(39.613.221.548)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	23.129.098.070	-
<i>Cổ tức được chia</i>	23.129.098.070	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(11.693.141.825)	(39.613.221.548)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	87.582.386
- Chi phí nhân công	5.706.410.549	4.487.109.420
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	133.550.790	133.550.790
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.264.072.266	6.713.919.657
- Chi phí khác bằng tiền	908.408.478	1.778.679.139
- Chi phí dự phòng	-	63.000.000
Cộng	14.012.442.083	13.263.841.392

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

02. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không còn công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
Tiền lương	994.000.000	886.501.802
Thù lao	480.000.000	1.122.857.141
Cộng	1.474.000.000	2.009.358.943

Chi tiết thu nhập các thành viên quản lý chủ chốt 6 tháng đầu năm 2023:

Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, thưởng	Thù lao	Tổng thu nhập
Bà Nguyễn Thu Hằng	Chủ tịch HĐQT	-	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Chính Phương	Ủy viên HĐQT	-	60.000.000	60.000.000
Ông Huỳnh Minh Việt	Ủy viên HĐQT	-	60.000.000	60.000.000
Ông Đinh Hoài Nam	Ủy viên HĐQT	-	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Dũng Minh	Ủy viên HĐQT	-	60.000.000	60.000.000
Bà Dương Thị Mai Hương	Trưởng BKS	-	60.000.000	60.000.000
Bà Trần Thị Kim Oanh	Thành viên BKS	-	30.000.000	30.000.000
Bà Lê Thị Bích Hạnh	Thành viên BKS	-	30.000.000	30.000.000
Ông Lê Đình Quang	Tổng Giám đốc	602.000.000	-	602.000.000
Ông Hà Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc	392.000.000	-	392.000.000
Cộng		994.000.000	480.000.000	1.474.000.000

3003
CÔNG
CỐ P
ONE C
HOSPI
CTUL

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các Công ty con, Công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Bánh Givral	Công ty con
Công ty Cổ phần Viptour- Togi	Công ty con
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	Công ty con
Công ty Cổ phần Kem Tràng Tiền	Công ty con
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại dương	Công ty con tới ngày 09/6/2023

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Các bên liên quan	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
Bán hàng hóa	27.569.355.261	26.472.023.689
- Công ty Cổ phần Bánh Givral	27.569.355.261	26.472.023.689
- Công ty Cổ phần Kem Tràng Tiền	21.010.469.540	-
Chi hộ tổng kết cuối năm	46.376.126	-
- Công ty Cổ phần Bánh Givral	3.540.162	-
- Công ty Cổ phần Kem Tràng Tiền	42.835.964	-
Mua hàng hóa	79.843.371	-
- Công ty Cổ phần Bánh Givral	53.907.002	-
- Công ty Cổ phần Kem Tràng Tiền	25.936.369	-
Cổ tức, lợi nhuận được nhận	23.129.098.070	-
- Công ty Cổ phần Kem Tràng Tiền	23.129.098.070	-
Cho vay	101.085.699.604	15.240.000.000
- Công ty Cổ phần Kem Tràng Tiền	100.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Viptour - Togi	-	12.500.000.000
- Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	1.085.699.604	2.740.000.000
Lãi cho vay	7.771.320.810	4.886.411.040
- Công ty Cổ phần Viptour - Togi	1.992.552.202	1.766.364.703
- Công ty Cổ phần Kem Tràng Tiền	2.418.333.334	-
- Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	3.360.435.274	3.120.046.337

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn	3.528.575.822	9.814.220.990
Công ty Cổ phần Bánh Givral	-	7.020.752.313
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại dương	-	330.948.313
Công ty Cổ phần Kem Tràng Tiền	3.528.575.822	2.462.520.364
Phải thu về cho vay ngắn hạn	113.241.163.333	13.241.163.333
Công ty Cổ phần Viptour- Togi	13.241.163.333	13.241.163.333
Công ty Cổ phần Kem Tràng Tiền	100.000.000.000	-
Phải thu về cho vay dài hạn	129.616.266.604	128.530.567.000
Công ty Cổ phần Viptour- Togi	39.600.000.000	39.600.000.000
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	90.016.266.604	88.930.567.000
Phải thu khác ngắn hạn	25.986.702.240	-
Công ty Cổ phần Kem Tràng Tiền	24.791.389.737	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Viptour- Togi	1.195.312.503	-
Phải thu khác dài hạn	55.308.620.544	51.150.945.571
Công ty Cổ phần Viptour- Togi	29.512.605.989	28.715.366.290
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	25.796.014.555	22.435.579.281
Cộng nợ phải thu	327.681.328.543	202.736.896.894
Phải trả người bán ngắn hạn	3.388.600	470.400.450
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương		468.936.450
Công ty Cổ phần Bánh Givral	3.388.600	1.464.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	72.061.392.311	-
Công ty Cổ phần Bánh Givral	72.061.392.311	-
Cộng nợ phải trả	72.064.780.911	470.400.450

03. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Chúng tôi không trình bày báo cáo bộ phận trên Báo cáo tài chính riêng bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ khách sạn và trong lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	234.125.356.832	-	373.161.988.546	-	234.125.356.832	373.161.988.546
Phải thu về cho vay	242.857.429.937	-	141.771.730.333	-	(*)	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	99.467.082.869	-	83.314.642.537	-	(*)	(*)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	106.600.000.000	-	600.000.000	-	(*)	(*)
Đầu tư tài chính dài hạn	78.664.700.000	(69.478.878.870)	78.664.700.000	(69.503.060.480)	(*)	(*)
Cộng	761.714.569.638	(69.478.878.870)	677.513.061.416	(69.503.060.480)	234.125.356.832	373.161.988.546

Giá trị sổ sách**Giá trị hợp lý**

Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
7.430.544.506	8.787.383.132	(*)	(*)
1.857.423.718	1.802.423.718	(*)	(*)
118.730.884.586	118.761.613.881	(*)	(*)
128.018.852.810	129.351.420.731		

Nợ phải trả tài chính

Phải trả cho người bán	
Chi phí phải trả	
Các khoản phải trả khác	
Cộng	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	7.430.544.506	-	-	7.430.544.506
Chi phí phải trả	1.857.423.718	-	-	1.857.423.718
Các khoản phải trả khác	118.730.884.586	-	-	118.730.884.586
Cộng	128.018.852.810	-	-	128.018.852.810
Tại ngày đầu năm				
Phải trả cho người bán	8.787.383.132	-	-	8.787.383.132
Chi phí phải trả	1.802.423.718	-	-	1.802.423.718
Các khoản phải trả khác	118.761.613.881	-	-	118.761.613.881
Cộng	129.351.420.731	-	-	129.351.420.731

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Tòa nhà Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 đã được kiểm toán/ soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Trang

Kế toán trưởng

Phạm Tiến Thành

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Tổng Giám đốc



Lê Đình Quang

